

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2026**



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.586.576.029.267	1.981.826.455.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	221.654.551.411	93.434.960.968
111	1. Tiền		178.446.482.917	91.434.960.968
112	2. Các khoản tương đương tiền		43.208.068.494	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		15.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		490.064.725.573	353.532.347.950
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	238.545.475.091	193.398.574.633
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		68.013.431.923	8.665.232.824
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	184.515.590.694	152.478.312.628
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.009.772.135)	(1.009.772.135)
140	IV. Hàng tồn kho		1.759.622.899.437	1.457.135.245.689
141	1. Hàng tồn kho	V.5	1.765.075.311.019	1.462.587.657.271
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	V.5	(5.452.411.582)	(5.452.411.582)
150	V. Tài sản sinh học ngắn hạn		-	-
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		100.233.852.846	66.723.900.673
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.6a	16.359.977.759	12.164.874.339
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		82.253.623.945	53.350.891.529
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	1.620.251.142	1.208.134.805
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		806.625.059.272	495.276.013.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.324.934.612	6.556.938.612
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.475.438.612	2.475.438.612
215	2. Phải thu dài hạn khác		10.849.496.000	4.081.500.000
220	II. Tài sản cố định		450.108.744.363	365.570.051.597
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	412.917.656.738	328.479.886.022
222	- Nguyên giá		637.985.637.665	537.908.755.779
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(225.067.980.927)	(209.428.869.757)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	37.191.087.625	37.090.165.575
228	- Nguyên giá		45.254.168.969	45.104.168.969
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.063.081.344)	(8.014.003.394)
230	III. Tài sản sinh học dài hạn		-	-
240	IV. Bất động sản đầu tư		-	-
250	V. Tài sản dở dang dài hạn		40.807.849.419	30.485.766.400
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.807.849.419	30.485.766.400
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
270	VII. Tài sản dài hạn khác		302.383.530.878	92.663.257.180
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.6b	29.142.864.389	20.835.075.345
272	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		3.406.324.946	3.600.081.992
279	3. Lợi thế thương mại	V.9	269.834.341.543	68.228.099.843
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.393.201.088.539	2.477.102.469.069

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.942.070.383.506	1.109.018.352.444
310	I. Nợ ngắn hạn		1.667.569.062.876	1.108.471.070.835
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		133.767.932.517	61.218.811.060
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	51.581.693.532	38.699.945.143
313	3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận		1.019.981.591	949.180.484
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.11	18.161.933.195	21.884.362.744
315	5. Phải trả người lao động		29.560.963.614	27.069.507.960
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		4.535.646.888	2.900.029.330
320	7. Phải trả ngắn hạn khác		26.480.577.273	4.624.626.958
321	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	1.402.034.147.055	950.650.419.945
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		426.187.211	474.187.211
330	II. Nợ dài hạn		274.501.320.630	547.281.609
338	1. Phải trả dài hạn khác		273.200.000.000	200.000.000
342	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.301.320.630	347.281.609
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.13	1.451.130.705.033	1.368.084.116.625
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.354.266.336	25.212.954.658
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		25.378.917.339	19.593.573.325
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		18.975.348.997	5.619.381.333
429	3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		332.379.628.697	268.474.351.967
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.393.201.088.539	2.477.102.469.069

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2026	Quý 2 Năm 2025	6 tháng Năm 2026	6 tháng Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.558.794.663.718	1.029.050.424.080	2.656.286.867.314	1.987.659.550.284
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.558.794.663.718	1.029.050.424.080	2.656.286.867.314	1.987.659.550.284
11	4.	Giá vốn hàng bán		1.468.519.717.475	937.864.691.744	2.492.619.618.203	1.802.852.206.763
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.274.946.243	91.185.732.336	163.667.249.111	184.807.343.521
21	6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-	-	-
22	7.	Doanh thu hoạt động tài chính		495.233.333	509.774.995	615.260.841	1.087.224.402
23	8.	Chi phí tài chính	VI.3	20.724.286.250	11.246.182.573	33.814.437.726	17.274.319.155
24		- Trong đó: Chi phí đi vay		20.724.286.250	11.246.182.573	33.814.437.726	17.274.319.155
25	9.	Chi phí bán hàng	VI.4	72.408.788.977	53.992.248.159	129.894.665.929	106.000.351.326
26	10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	47.417.483.843	33.650.410.492	82.612.709.526	66.078.399.339
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(49.780.379.494)	(7.193.333.893)	(82.039.303.229)	(3.458.501.897)
31	12.	Thu nhập khác		80.994.722.827	24.782.474.368	133.442.896.485	43.915.049.781
32	13.	Chi phí khác		1.543.432.497	48.440.208	1.591.436.358	191.749.434
40	14.	Lợi nhuận khác		79.451.290.330	24.734.034.160	131.851.460.127	43.723.300.347
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.670.910.836	17.540.700.267	49.812.156.898	40.264.798.450
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6.584.834.371	5.720.530.187	11.459.653.249	11.902.997.763
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.11	1.147.796.067	1.538.801.133	1.147.796.067	1.573.730.338
60	18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.938.280.398	10.281.368.947	37.204.707.582	26.788.070.349
61	19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		14.127.123.268	(4.437.847.362)	18.975.348.997	704.570.289
62	20.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		7.811.157.130	14.719.216.309	18.229.358.585	26.083.500.060
70	21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	131	(41)	177	6
71	22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	131	(41)	177	6

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

TRẦN KHỎI NGUYỄN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	49.812.156.898	40.264.798.450
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	44.392.263.885	34.513.919.096
	- Các khoản dự phòng	03	-	-
	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(3.021.430.078)	(6.854.082.299)
	- Chi phí đi vay	06	33.814.437.726	17.274.319.155
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	124.997.428.431	85.198.954.402
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(172.615.222.376)	24.131.639.441
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(276.094.708.044)	(251.650.388.909)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	138.109.370.517	(29.107.714.792)
	- (Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12	(8.353.652.316)	2.768.517.886
	- Chi phí đi vay đã trả	14	(33.814.437.726)	(17.274.319.155)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.422.885.441)	(44.710.056.642)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(48.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(246.242.106.955)	(230.643.367.769)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(106.194.379.486)	(118.080.588.796)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	84.241.051.164	139.932.545.451
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.000.000.000)	(2.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	615.260.841	1.087.224.402
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.338.067.481)	20.939.181.057
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	2.680.699.257.919	1.504.053.498.129
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.229.315.530.809)	(1.328.943.373.985)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.583.962.231)	(130.231.716.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	399.799.764.879	44.878.408.144
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	128.219.590.443	(164.825.778.568)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	93.434.960.968	261.814.418.901
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	221.654.551.411	96.988.640.333

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2026
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 06 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh Thương mại, Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Cho thuê xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đấu giá hàng hóa), (trừ các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Đại lý bảo hiểm (CPC 81401);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
- Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 06 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 06 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 30/06/2026
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%	90,82%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	51,62%	52,06%	51,62%	52,06%	51,62%	52,06%
03	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành Phố Hồ Chí Minh	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
04	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	14-15A, Tầng 7, Tòa Nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0,00%	65,00%	0,00%	65,00%	0,00%	65,00%
05	Công ty CP Ô tô An Thái (*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, TP Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	52,35%	52,35%	32,51%	32,51%
06	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt (**)	Số nhà 97, đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng	0,00%	0,00%	99,33%	99,33%	51,27%	51,27%

(*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

(**) Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt).

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30/06/2026 Tập đoàn có 1.852 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.280 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và Báo cáo tình hình tài chính (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Công ty mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty, được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)***Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	29.979.016.956	11.771.661.108
Tiền gửi ngân hàng	148.467.465.961	79.663.299.860
Các khoản tương đương tiền	43.208.068.494	2.000.000.000
Cộng	221.654.551.411	93.434.960.968

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>238.545.475.091</i>	<i>193.398.574.633</i>
Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt	1.631.401.031	930.537.193
Công Ty TNHH Bảo Hiểm Liberty	338.967.423	429.141.869
Các khách hàng khác	236.575.106.637	192.038.895.571
Cộng	238.545.475.091	193.398.574.633

3. Phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền thưởng, hỗ trợ phải thu từ hãng.

4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>				
Các đối tượng khác	1.009.772.135	-	1.009.772.135	-
Cộng	1.009.772.135	-	1.009.772.135	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	81.757.573.646	(5.452.411.582)	65.984.357.037	(5.452.411.582)
Công cụ, dụng cụ	296.881.024	-	311.102.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.465.078.297	-	9.810.855.260	-
Hàng hóa	1.124.403.235.930	-	843.064.490.583	-
Hàng đang đi trên đường	1.918.205.028	-	1.182.514.900	-
Hàng hoá là bất động sản	542.234.337.094	-	542.234.337.094	-
Cộng	1.765.075.311.019	(5.452.411.582)	1.462.587.657.271	(5.452.411.582)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**6. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và dài hạn****6a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sửa chữa văn phòng	1.249.906.746	3.073.825.613
Công cụ, dụng cụ	4.874.960.806	1.299.423.994
Phí bảo hiểm	1.126.239.793	1.243.655.355
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	9.108.870.414	6.547.969.377
Cộng	16.359.977.759	12.164.874.339

6b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sửa chữa văn phòng	10.658.369.380	10.567.899.527
Công cụ, dụng cụ	14.108.487.299	7.132.990.211
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	4.376.007.710	3.134.185.607
Cộng	29.142.864.389	20.835.075.345

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	272.965.942.836	49.846.040.348	203.478.022.147	8.959.648.374	2.659.102.074	537.908.755.779
Tăng trong kỳ	132.121.391.481	7.831.077.466	85.709.214.033	5.903.905.901	3.148.257.700	234.713.846.581
Giảm trong kỳ	(14.784.080.101)	-	(119.743.587.094)	(109.297.500)	-	(134.636.964.695)
Số cuối kỳ	390.303.254.216	57.677.117.814	169.443.649.086	14.754.256.775	5.807.359.774	637.985.637.665
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	126.528.547.095	41.149.518.062	32.919.656.593	6.539.134.665	2.292.013.342	209.428.869.757
Tăng trong kỳ	19.637.770.312	1.962.741.078	15.264.276.845	962.118.319	130.134.505	37.957.041.059
Giảm trong kỳ	(4.260.489.981)	-	(17.973.126.891)	(36.331.303)	(47.981.714)	(22.317.929.889)
Số cuối kỳ	141.905.827.426	43.112.259.140	30.210.806.547	7.464.921.681	2.374.166.133	225.067.980.927
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	146.437.395.741	8.696.522.286	170.558.365.554	2.420.513.709	367.088.732	328.479.886.022
Số cuối kỳ	248.397.426.790	14.564.858.674	139.232.842.539	7.289.335.094	3.433.193.641	412.917.656.738

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	35.309.039.600	2.797.580.000	6.997.549.369	45.104.168.969
Tăng trong kỳ	-	-	150.000.000	150.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	35.309.039.600	2.797.580.000	7.147.549.369	45.254.168.969
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.016.454.025	6.997.549.369	8.014.003.394
Khấu hao trong kỳ	-	27.975.798	21.102.152	49.077.950
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.044.429.823	7.018.651.521	8.063.081.344
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	35.309.039.600	1.781.125.975	-	37.090.165.575
Số cuối kỳ	35.309.039.600	1.753.150.177	128.897.848	37.191.087.625

9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công ty CP SX TM và DV Ô tô PTM	4.716.647.631	-	(3.144.431.754)	1.572.215.877
Công ty CP Xe Khách & Dịch Vụ Miền Tây	33.387.622.390	-	(2.384.830.171)	31.002.792.219
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	30.123.829.822	-	(1.516.997.501)	28.606.832.321
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	-	214.859.554.935	(6.207.053.809)	208.652.501.126
Cộng	68.228.099.843	214.859.554.935	(13.253.313.235)	269.834.341.543

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.982.660.091	-	4.490.268.412	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.477.218.345	-	15.922.878.117	94.137.222
Thuế thu nhập cá nhân	1.376.052.121	318.086.768	1.471.216.215	20.506.425
Thuế nhà đất, thuê đất	326.002.638	1.302.164.374	-	1.093.491.158
Khác	-	-	-	-
Cộng	18.161.933.195	1.620.251.142	21.884.362.744	1.208.134.805

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.812.156.898	40.264.798.450
Các khoản điều chỉnh tăng	6.987.743.827	18.702.343.066
Thu nhập chịu thuế	56.799.900.725	58.967.141.516
Chuyển lỗ kỳ trước	-	-
Thu nhập tính thuế	56.799.900.725	58.967.141.516
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.359.980.145	11.793.428.303
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các kỳ trước	99.673.104	109.569.460
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	11.459.653.249	11.902.997.763

12. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.402.034.147.055	1.402.034.147.055	950.650.419.945	950.650.419.945
Cộng	1.402.034.147.055	1.402.034.147.055	950.650.419.945	950.650.419.945

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

13b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-
Cộng	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000

13d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	107.439.681	107.439.681
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.439.681	107.439.681
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	107.439.681
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu kinh doanh xe	2.388.702.278.641	1.724.528.687.298
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	258.462.159.950	252.700.066.697
Doanh thu hoạt động khác	9.122.428.723	10.430.796.289
Cộng	2.656.286.867.314	1.987.659.550.284

2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn của hoạt động kinh doanh xe và hoạt động sửa chữa xe.

3. Chi phí tài chính

Chủ yếu là lãi vay ngân hàng.

4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	50.656.718.766	41.730.358.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.581.609.272	17.207.343.211
Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	61.656.337.891	47.062.649.775
Cộng	129.894.665.929	106.000.351.326

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)***Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	42.688.135.271	32.364.384.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.298.669.692	5.970.712.823
Chi phí lợi thế thương mại	13.253.313.235	5.529.261.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	19.372.591.328	22.214.039.880
Cộng	82.612.709.526	66.078.399.339

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.204.707.582	26.788.070.349
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(18.229.358.585)	(26.083.500.060)
Trích quỹ khen thưởng	-	(18.062.795)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.975.348.997	686.507.494
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	107.439.681	107.439.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	177	6

7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.204.707.582	26.788.070.349
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(18.229.358.585)	(26.083.500.060)
Trích quỹ khen thưởng	-	(18.062.795)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.975.348.997	686.507.494
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	107.439.681	107.439.681
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	177	6

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám Đốc	700.000.000	700.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám Đốc	490.000.000	490.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám Đốc	498.000.000	520.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	350.000.000	350.000.000
Cộng		2.038.000.000	2.060.000.000
Thù lao thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	507.692.308
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	480.000.000	307.692.308
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	-	36.923.077
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	120.000.000	107.692.308
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	120.000.000	107.692.308
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên	240.000.000	150.769.231
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	120.000.000	40.000.000
Cộng		1.800.000.000	1.258.461.540

3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tiền gửi tiết kiệm và bất động sản đầu tư để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ tài chính là 1.339.179.054.264 VND (số đầu năm là 1.020.324.573.654 VND).

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



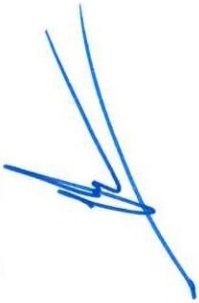
ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2025				
Tại ngày 01/01/2025	1.074.396.810.000	128.999.588.778	287.343.152.360	1.490.739.551.138
Tăng trong kỳ	-	704.570.289	26.083.500.060	26.788.070.349
Giảm trong kỳ	-	(107.555.883.961)	(23.311.656.774)	(130.867.540.735)
Tại ngày 30/06/2025	1.074.396.810.000	22.148.275.106	290.114.995.646	1.386.660.080.752
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2026				
Tại ngày 01/01/2026	1.074.396.810.000	25.212.954.658	268.474.351.967	1.368.084.116.625
Tăng trong kỳ	-	19.090.507.199	117.262.411.137	136.352.918.336
Giảm trong kỳ	-	50.804.479	(53.357.134.407)	(53.306.329.928)
Tại ngày 30/06/2026	1.074.396.810.000	44.354.266.336	332.379.628.697	1.451.130.705.033

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2026



ĐỖ TIẾN DŨNG